

**ĐIỂM THI**

Lớp: Trung cấp lý luận chính trị khóa 10 (huyện Quảng Hòa)

Phần D.II - Kỹ năng lãnh đạo, quản lý

Ngày thi: 25/11/2022

STT	Họ và tên	Điểm		STT	Họ và tên	Điểm	
		Số	Bằng chữ			Số	Bằng chữ
1	Lục Thị Vân Anh	7.50	Bảy phẩy năm	41	Hoàng Văn Khỏe	7.50	Bảy phẩy năm
2	Đàm Thị Bằng	7.25	Bảy phẩy hai năm	42	Bé Thị Kiều	7.50	Bảy phẩy năm
3	Nông Thị Bé	8.00	Tám	43	Nguyễn Thị Hoài Lam	7.50	Bảy phẩy năm
4	Nguyễn Thị Biên	7.00	Bảy	44	Lục Thị Thúy Lâm	7.75	Bảy phẩy bảy năm
5	Nguyễn Đình Chinh		<i>Hoãn thi</i>	45	Nông Minh Lệ	7.75	Bảy phẩy bảy năm
6	Bé Đặng Chính	8.00	Tám	46	Nông Thị Linh	7.75	Bảy phẩy bảy năm
7	Phan Mạnh Cường	7.50	Bảy phẩy năm	47	Hứa Thị Loan	7.50	Bảy phẩy năm
8	Hà Thị Diệp	8.00	Tám	48	Lý Thị Minh	7.00	Bảy
9	Nông Văn Đạt	7.00	Bảy	49	Hoàng Thị Minh	7.25	Bảy phẩy hai năm
10	Bé Thị Diệp	7.75	Bảy phẩy bảy năm	50	Triệu Quang Mốt	7.00	Bảy
11	Tô Văn Dự	7.25	Bảy phẩy hai năm	51	Vương Thị Na	7.75	Bảy phẩy bảy năm
12	Hoàng Văn Duẩn	7.50	Bảy phẩy năm	52	Nông Văn Nam	6.25	Sáu phẩy hai năm
13	Đàm Thị Dung	8.00	Tám	53	Hoàng Thị Nga	7.50	Bảy phẩy năm
14	Lương Văn Dưỡng	7.25	Bảy phẩy hai năm	54	Đàm Thị Thanh Nga	7.75	Bảy phẩy bảy năm
15	Phan Thị Duyên	7.25	Bảy phẩy hai năm	55	Đinh Văn Nghĩa	6.50	Sáu phẩy năm
16	Lý Thị Duyên	7.50	Bảy phẩy năm	56	Nguyễn Thị Ngọc	7.00	Bảy
17	Nông Văn Giang	8.00	Tám	57	Đinh Thị Nguyệt	7.50	Bảy phẩy năm
18	Triệu Thị Hạ	7.50	Bảy phẩy năm	58	Lục Thị Nhung	7.50	Bảy phẩy năm
19	Ngô Thị Lệ Hằng	8.25	Tám phẩy hai năm	59	Đàm Thị Niêm	7.00	Bảy
20	Lý Thị Hằng	8.00	Tám	60	Lục Thị Kim Oanh	7.00	Bảy
21	Lã Thị Hạnh	8.00	Tám	61	Nguyễn Lệ Quyên	7.50	Bảy phẩy năm

STT	Họ và tên	Điểm		STT	Họ và tên	Điểm	
		Số	Bằng chữ			Số	Bằng chữ
22	Đinh Thị Hậu	8.00	Tám	62	Hoàng Thị Tắm	7.00	Bảy
23	Ma Văn Hiến	7.50	Bảy phẩy năm	63	Đàm Hồng Tân		<b>Hoãn thi</b>
24	Nguyễn Thị Hiệp	7.25	Bảy phẩy hai năm	64	Đàm Văn Thắng	6.75	Sáu phẩy bảy năm
25	Lưu Diệu Hoa	7.50	Bảy phẩy năm	65	Đinh Phương Thảo	7.25	Bảy phẩy hai năm
26	Lương Thị Hoa	8.00	Tám	66	Mông Thị Thảo	8.00	Tám
27	Lục Thị Hoài	7.50	Bảy phẩy năm	67	Nông Bích Thu	7.25	Bảy phẩy hai năm
28	Nguyễn Thị Hoan	7.50	Bảy phẩy năm	68	Triệu Minh Thủy	7.50	Bảy phẩy năm
29	Hà Ngọc Hoàng	7.25	Bảy phẩy hai năm	69	Đàm Thị Thuyền	7.75	Bảy phẩy bảy năm
30	Hà Thị Hồng	8.00	Tám	70	Bế Thị Tiềm	7.25	Bảy phẩy hai năm
31	Phạm Thị Huân	7.50	Bảy phẩy năm	71	Nông Thị Tiến	7.50	Bảy phẩy năm
32	Nông Thị Huệ	8.00	Tám	72	Đỗ Văn Tĩnh	7.50	Bảy phẩy năm
33	Mông Thị Huệ	7.25	Bảy phẩy hai năm	73	Hoàng Thu Trang	8.25	Tám phẩy hai năm
34	Triệu Thị Thu Huệ	8.00	Tám	74	La Thị Huyền Trang	7.25	Bảy phẩy hai năm
35	Bế Thị Huệ	7.50	Bảy phẩy năm	75	Đỗ Thu Trang	8.00	Tám
36	Đinh Thị Huệ	8.00	Tám	76	Bế Văn Tư	6.50	Sáu phẩy năm
37	Ma Thúy Hường	8.25	Tám phẩy hai năm	77	Đàm Thúy Tuyền	8.00	Tám
38	Hoàng Quang Huy	8.00	Tám	78	Mã Thị Út	8.00	Tám
39	Hoàng Thị Huyền	7.50	Bảy phẩy năm	79	Ma Ngọc Vĩnh	7.75	Bảy phẩy bảy năm
40	Lục Thị Huyền	7.75	Bảy phẩy bảy năm	80	Đàm Thị Vui	7.50	Bảy phẩy năm

Điểm 6.25: 01 điểm; Điểm 6.50: 01 điểm; Điểm 6.75: 01 điểm; Điểm 7.00: 08 điểm; Điểm 7.25: 12 điểm; Điểm 7.50: 25 điểm; Điểm 7.75: 09 điểm; Điểm 8.00: 18 điểm; Điểm 8.25: 03 điểm./.

**GHI ĐIỂM**

**PHÒNG QUẢN LÝ ĐÀO TẠO VÀ NCKH  
TRƯỞNG PHÒNG**

**HIỆU TRƯỞNG**





**Triệu Văn Lượng**

**Đoàn Thị Vân Thúy**

**Trịnh Thị Ánh Hoa**